

QUÁ TRÌNH TRUYỀN BÁ ĐẠO CÔNG GIÁO NHÌN TỪ NHỮNG CUỘC TIẾP XÚC PHÁP - VIỆT CÁC THẾ KỈ XVII - XVIII

NGUYỄN MẠNH DŨNG^(*)

1. Tổng quan

Trong nửa sau thế kỉ XVII, tổng số 19 giáo sĩ của Hội Truyền giáo Nước ngoài Paris (*La Société des Missions étrangères de Paris*, viết tắt là MEP) đã được cử sang truyền giáo ở Viễn Đông đều đưa vào Đại Việt. Trong thế kỉ XVIII, toàn bộ 72 giáo sĩ MEP được cử sang nước ngoài cũng được đưa đến Đại Việt. Sang thế kỉ XIX, MEP đưa 634 linh mục sang Việt Nam. Trong 8 giáo khu (diocèses) của Việt Nam được Giáo hoàng chia năm 1850, MEP được phép "coi sóc" 6/8 giáo khu.

Những số liệu thống kê nêu trên đã cho thấy quá trình thâm nhập, xác lập phạm vi hoạt động và từng bước tập trung hóa của MEP cũng như chính quyền Pháp từ giữa thế kỉ XVII đến cuối thế kỉ XIX. Trong suốt quá trình hình thành và thực tiễn hoạt động sau đó, Đại Việt (Việt Nam) là địa bàn hoạt động chủ yếu của MEP. Sự tiếp xúc đó trải qua một quá trình dài lâu, thăng trầm, hòa lẫn vinh quang và tủi nhục⁽¹⁾, nhưng là "sứ mệnh truyền giáo cao cả".

Không phải các linh mục của MEP là những người đầu tiên truyền giáo ở nước ta. Trước họ, các dòng tu Công giáo lớn, nhỏ khác đã đặt chân đến lãnh thổ Việt Nam như Dòng Francisco⁽²⁾ (Dòng Phan Sinh), Dòng Dominicain⁽³⁾ (Dòng Đa Minh), Dòng Jesuites⁽⁴⁾ (Dòng Tên)... Song chỉ có điều duy nhất khác biệt là hiệu quả hoạt động của các dòng tu này

sau khi MEP được thành lập. Thực tế cho thấy, sự lấn lướt và tuyệt đối truyền giáo theo Hiệp định Tordesillas năm 1494 đã ngăn cấm tất cả các giáo sĩ không thuộc phiên chế của Giáo hội Công giáo Bồ Đào Nha ở Đông Ấn. Sự dung dưỡng của Giáo hội Công giáo La Mã đã khiến cho trong một thời gian dài, Bồ Đào Nha có bước nhảy vọt trong hai địa hạt truyền giáo và thương mại biển. Song "thời thế đã xoay vần", sự trỗi dậy mạnh mẽ của nền hải thương Hà Lan, Anh Quốc,... với biểu tượng là các công ti Đông Ấn hùng mạnh đã đe dọa trực tiếp đến vị thế kinh tế biển của người Bồ Đào Nha. Chính sự suy yếu kinh tế trên mọi phương diện nhanh chóng của Bồ Đào Nha là một trong những nguyên nhân căn bản tác động đến vị thế truyền giáo của họ ở xứ Đông Ấn cũng như uy tín tại Tòa Thánh. Nói cách khác, hoạt động truyền giáo của người Bồ Đào Nha đã mất một trợ lực/điểm tựa tối quan trọng, báo hiệu quá trình suy tàn về địa vị ở Viễn Đông. Người Pháp, trong đó có vai trò rất quan trọng của "Louis Đại đế" (Louis XIV), Hồng y A.J.P. Richelieu, Thượng thư J.B. Colbert⁽⁵⁾, F. Pallu cùng sự trợ giúp nhiệt thành của giáo sĩ Alexandre de Rhodes "người đã lập nên một học thuyết truyền giáo đặt cơ sở trên một cơ tầng

*. ThS., Viện Sử học

văn hóa bản địa, bằng việc sử dụng tiếng bản xứ cả trong lễ nghi lẫn trong việc thoát giải sự bó buộc về quyền bảo trợ"⁽⁶⁾..., đã kịp nắm lấy ngọn cờ, vận động Giáo hoàng thay chân người Bồ Đào Nha ở Viễn Đông.

Theo tính toán của phía Pháp, các Đại diện Tông tòa (vicaires apostoliques) được cử sang Đông Ấn với đích nhắm là Trung Quốc. Song định mệnh đã đưa những vị thừa sai này gần bó sâu/bên với Việt Nam trên cơ sở của những tiền đề điều kiện cho phép hiện tồn.

Một yếu tố rất quan trọng để người Pháp được phép thay thế người Bồ Đào Nha quản hạt ở Viễn Đông, ngoài sự ủng hộ mạnh mẽ từ phía triều đình Paris, cũng cần phải thấy nỗ lực mở rộng, bành trướng đáng kể về hải thương, hay nói gọn lại là "yếu tố kinh tế". Công ti Đông Ấn Pháp (*La compagnie des Indes Orientales*, viết tắt là CIO) được thành lập năm 1664 không nằm ngoài mục tiêu "tối cao" trên.

2. MEP - quá trình xác lập ảnh hưởng ở Đại Việt

A.de Rhodes đã có công rất lớn trong cuộc vận động Tòa Thánh La Mã trao quyền quản hạt các địa phận Viễn Đông cho Giáo hội Công giáo Pháp. Từ Ma Cao về Pháp năm 1653, A.de Rhodes bắt đầu quá trình vận động nhằm đưa Giáo hội Công giáo Pháp thay chân Bồ Đào Nha quyền bảo trợ ở Viễn Đông. Năm 1658, Giáo hoàng đã đồng ý cử 3 giáo sĩ Pháp làm Đại diện Tông tòa ở Viễn Đông. Do biết sẽ vấp phải sự phản đối quyết liệt từ phía người Bồ Đào Nha, Giáo hoàng đã không quên chỉ thị cho các giám mục Pháp phải hết sức cẩn trọng, ứng phó khôn ngoan và mềm dẻo. F.Pallu (Giám mục Héliopolis, 1626 - 1684) và Lambert de la Motte (Giám mục Bértythe, 1624 - 1679) đã phải đi đường bộ từ Pháp tới

Đông Dương. Các sử gia nghiên cứu về "giáo sử" đánh giá rất cao sự kiện lịch sử này và họ coi đó là mốc đánh dấu sự hiện diện của người Pháp ở Viễn Đông⁽⁷⁾.

Ngay sau khi được Giáo hoàng phân định phạm vi quản hạt, những năm 1663 - 1664, F.Pallu và Lambert de la Motte lên đường sang Viễn Đông. Kế hoạch vào Đàng Ngoài thất bại, năm 1665, F.Pallu đã phải cử thừa sai F.Deydier ra Bắc làm Cố chính điều hành việc đạo, còn tự mình về La Mã xin Giáo hoàng xác định quyền hành của giám mục Pháp đối với các giáo sĩ thừa sai thuộc các quốc tịch khác nhau.

Sau khi nhận lời ủy thác của F.Pallu, Lambert de la Motte trở ra kinh lí Đàng Ngoài. Trước đó, năm 1664, để có thể thuận lợi vào Đàng Trong, Lambert de la Motte đã cử Chevreuil đi tiền trạm mang theo thư ủy nhiệm, tiền bạc và một thông ngôn người Nhật Bản đến Hải Phố (Faifo - Hội An) rồi lên Phú Xuân (Huế). Đi cùng đến Phố Hiến với Lambert de la Motte ra Đàng Ngoài có thừa sai Jacques de Bourges, và đã gặp được F.Deydier. Tháng 2/1670, Lambert triệu tập Công đồng Nam Định, lập khuôn phép Nhà Chúa (*Maison de Dieu*), sau được gọi là Nhà Chung, trong Địa phận Đàng Ngoài. Cùng năm, Lambert lập dòng tu nữ bản xứ có tên là Dòng Chị Em Mến Câu Rút (*Les amantes de la Croix*), sau được gọi là Dòng Mến Thánh Giá⁽⁸⁾.

Cho đến đầu thập niên 70 của thế kỉ XVII, Lambert cũng như những đại diện của mình vẫn chưa thể xác lập được địa vị vững chắc ở Đàng Trong⁽⁹⁾. Trong khi đó, tại Đàng Ngoài, Lambert cũng như Pallu đang cố gắng tìm cách vào địa phận này như theo sự phân công từ trước. Lúc đó, chính quyền ở đây đang thi hành chính sách cấm đạo nghiêm ngặt, rất khó khăn để thâm nhập⁽¹⁰⁾. Con đường tiến vào Đàng Ngoài từ Manille cũng bị các

giáo sĩ Pháp ở Philippine phản đối vì sự mâu thuẫn giữa người Tây Ban Nha với người Pháp; còn đường vào từ thượng Lào cũng bị nhà cầm quyền ở Siam không đồng ý vì lí do an ninh, chính trị.

Năm 1669, có ba sự kiện quan trọng xảy ra ở Đàng Ngoài liên quan đến đời sống tôn giáo. *Thứ nhất*, chúa Trịnh ban hành những chỉ dụ cấm đạo, ra lệnh đốt phá nhà thờ, cấm các tàu thuyền ngoại quốc đến Thăng Long, các tàu bè ngoại quốc đều phải tập trung về Phố Hiến. *Thứ hai*, mâu thuẫn trong việc giải quyết người có quyền cai quản địa hạt truyền giáo ở Đàng Ngoài, cụ thể giữa Fuciti, đại diện của Giám mục Macao, với F.Deydier, đại diện của Giám mục Lambert de la Motte của MEP. *Thứ ba*, Lambert de la Motte chính thức ra Đàng Ngoài⁽¹¹⁾.

Sau năm 1673, Giáo hoàng ban sắc lệnh khẳng định quyền quản hạt cao nhất và duy nhất của giám mục người Pháp như đại diện chính thức của Giáo hoàng thay thế người Bồ Đào Nha trên các vùng đất Phương Đông. Bên cạnh đó, cho đến cuối thế kỉ XVII, có lẽ chỉ còn lại vấn đề địa phận truyền giáo của giáo sĩ Dòng Tên theo sự phân công của thừa sai Pháp và Giáo hoàng. Từ năm 1678 cho đến trước khi Dòng Tên chính thức bị Giáo hoàng bãi bỏ năm 1773, các giáo sĩ Dòng Tên tiếp tục được truyền giáo ở Đại Việt nhưng dưới quyền hành của các thừa sai người Pháp.

Kể từ thập niên 70 thế kỉ XVII, MEP bắt đầu phát triển mạnh mẽ. Trong 25 năm cuối của thế kỉ XIX, mỗi năm có hơn 40 thừa sai MEP sang Châu Á truyền giáo. Phạm vi hoạt động của Hội cũng mở rộng ở Siam, Bắc Kỳ, Nam Kỳ và một số vùng ở miền nam Ấn Độ. Tòa Thánh liên tiếp giao phó cho Hội những vùng truyền giáo mới ở Triều Tiên, Nhật Bản... Dưới

triều các Giáo hoàng Grégoire XVI, Leon XIII..., Hội Thừa sai mở thêm hơn 35 Tòa Khâm sứ Toà Thánh... Trong suốt thời kì này, các vị thừa sai hàng đầu đã tỏ cho thấy sự can đảm và nhiệt tâm truyền giáo: Giám mục Bonnard, Jean-Pierre Chopard, Jean-Marie Beurel, Pallegoix, Retord, Guillemin, Petitjean, Ridet,...

Ở một khía cạnh nào đó, không thể không nói đến sự can thiệp của MEP đối với các hoạt động của CIO. Nguyên tắc "bất thành văn" là CIO phải cung cấp tài chính cho các hoạt động của MEP ở Viễn Đông. Thực tế hoạt động đã cho thấy rõ mối quan hệ tương hỗ này. Theo đó, đối với cơ sở thương mại = thương điếm, các thương nhân người Anh có mặt ở Đàng Ngoài coi CIO là Công ti của các Cha cố (*Compagnie de Pères*). Trưởng thương điếm Anh W.Gyfford, năm 1672 ở Đàng Ngoài nhận xét: "Người Pháp có cơ sở ở đây nhưng chúng tôi không hiểu được rằng là dùng cho việc buôn bán hay nhằm mục đích truyền giáo".

Đã không ít lần Giáo hoàng nhắc nhở các giáo sĩ về sự dính líu của họ, nhất là giáo sĩ Dòng Tên ở Nhật Bản đối với các hoạt động thương mại. Bản thân Pallu cũng phải thừa nhận việc buôn bán của các tu sĩ MEP đã *"gây ra vô vàn sự lạm dụng ngày qua ngày càng tổn hại đến phẩm hạnh và sức mạnh của các thầy tu và đục khoét cùng làm cho toàn bộ ảnh hưởng tốt đẹp của các đoàn truyền giáo bị hư tổn"*⁽¹²⁾.

"Ngay chính Thánh hội có nêu lên, rõ ràng là đôi khi và vì những lí do nghiêm trọng *được phép dùng bức màn kinh doanh che phủ lên công cuộc truyền giáo Thánh kinh*, và đứng ra đóng vai trò thương thuyết khi tạm thời làm như vậy, người ta giữ mình không vướng mắc vào đầu óc vụ lợi và điều đó phần lớn thời

gian dẫn tới hậu quả thiệt hại về vật chất nhiều hơn là một mối lợi thực sự"⁽¹³⁾. "Tiền thu được như vậy [qua các hoạt động thương mại - TG] thật khó mà tin được và phải cho rằng cách thức cải trang thành lòng mộ đạo đó đã đem lại biết bao lợi ích cho Nhà Chung..."⁽¹⁴⁾. "Chúng tôi phải giữ quan hệ với các "thầy tu" này một cách chặt chẽ nhất có thể được mà không phương hại gì đến quyền lợi của công ti [EIC - TG]; vì rằng họ có ảnh hưởng lớn trong dân chúng và đặc biệt với một trong các nhân viên thuế quan mà cương vị có thể giúp ích cho chúng tôi được"⁽¹⁵⁾.

3. CIO - một thế kị hoạt động thương mại ở Đại Việt

"Từ khi nhà vua nắm quyền tài chính, ông đã phát động cuộc chiến tranh tiền bạc chống lại các nhà nước Châu Âu... Ông đã thành lập các công ti và cũng như các đạo quân, tấn công khắp nơi"⁽¹⁶⁾.

Nằm trong khuôn khổ của mục tiêu chung, dường như dù ở bất cứ đâu, CIO đều có "bốn phận tôn giáo". "Vì chúng ta coi sự thành lập những thuộc địa như đã hứa về mặt nguyên tắc vinh quang của Đức Chúa, bằng việc mang đến vùng xứ những người Anh Diêng và man dân những cái mà chúng ta phải làm để [họ] biết đến tôn giáo đích thực"⁽¹⁷⁾. CIO có "nhiệm vụ đi thu nhận những linh hồn".

Những liên hệ ngay từ đầu đã thể hiện toan tính của triều đình Paris lúc đó với "việc thành lập Công ti năm 1664 sau khi được triều đình cho phép, vậy là những người ở ngoài vương quốc kia, những giáo sĩ đã có trong tay mọi thứ, hưởng một cách công bằng sự tiến triển của Nhà vua theo khuynh hướng tập quyền tuyệt đối tôn giáo"⁽¹⁸⁾.

Xuất phát từ tư tưởng "trọng thương", trên cơ sở nền chính trị phát triển theo

"khuynh hướng tập quyền" của Louis XIV hay J.B.Colbert, trong đường lối của mình đều nhấn mạnh đến "sự vinh quang của nước Pháp là sứ mệnh truyền giáo và lợi ích buôn bán". Cũng cần thấy sự chuyển biến mạnh mẽ ở Châu Âu cũng tác động đến khuynh hướng đối ngoại của Pháp. Trước J.B.Colbert, đường hướng mở rộng thương mại biển và bành trướng về kinh tế của Pháp đã hình thành từ thời A.J.P.Richelieu. Như nhiều học giả nhận xét, A.J.P.Richelieu là người "khai sinh ra một mô hình nước Pháp bành trướng ra hải ngoại".

Cùng với Pondichéry (ở Ấn Độ), các hoạt động thương mại của CIO ở Siam, Đại Việt... cũng có ý nghĩa quan trọng và nằm trong kế hoạch mở rộng thương mại của chính quyền Pháp. Đối với Đại Việt, quan hệ thương mại của CIO với Đại Việt nếu tính từ chuyến đi đầu tiên năm 1669 đến năm 1769 vừa tròn 100 năm. Quá trình đó có thể tạm chia ra làm hai thời kì lớn: 1. Hoạt động thương mại của CIO với Đàng Ngoài từ năm 1669 đến năm 1702; 2. CIO với Đàng Trong từ năm 1702 đến năm 1769.

Kết quả hoạt động thương mại của CIO ở Đại Việt là rất khiêm tốn. Theo nghiên cứu của F. Mantienne, số hàng hóa đem đến thị trường Đàng Ngoài của tàu buôn do CIO cử đến *Tonquin* (đến năm 1680) tập trung vào các mặt hàng chính⁽¹⁹⁾: vũ khí và các mặt hàng chiến lược; dạ Châu Âu; đồng bạc réaux; hạt tiêu; vải bông Ấn Độ; gỗ đàn hương. Các mặt hàng được *Tonquin* và *Saint Joseph* (đến năm 1682) nhập từ thị trường Đàng Ngoài phần lớn chỉ là những hàng mẫu như tơ lụa, xạ, vàng... Tuy vậy, sự giao thương đó chưa có chứng cứ và số liệu rõ ràng. Hơn nữa, các sản phẩm trên thường dùng làm quà biếu, hàng mẫu và hàng

tái xuất sang Trung Quốc. Do vậy, đối với CIO, Đàng Ngoài chỉ là nơi trung chuyển để chở tiếp sang Trung Quốc⁽²⁰⁾. Tình hình đó cũng không hề được cải thiện sau sự chuyển hướng của CIO vào Đàng Trong. Các kế hoạch liên tiếp từ thập niên 20 của thế kỉ XVIII, hay phái đoàn của Pierre Poivre cuối thập niên 40, các kế hoạch thâm nhập Đàng Ngoài, Poulou Condore, Tourane thập niên 50 (các năm 1753, 1755) được đề ra, nhưng cuối cùng cũng không thực hiện được cho đến khi CIO chấm dứt giao thương với Đại Việt sau năm 1769⁽²¹⁾.

Nhìn chung, quan hệ thương mại của Pháp ở Đông Ấn bị hạn chế bởi ba nhân tố: 1. Về thời gian; 2. Về mặt địa lí; 3. Về mặt số lượng hàng hóa giao thương⁽²²⁾. Thực tế cũng cho thấy, người Pháp hiểu biết về thị trường Đại Việt tương đối muộn hơn so với các nước Châu Âu khác, và bản thân họ không phải là các thương nhân có nhiều kinh nghiệm trên thương trường.

Còn về toàn bộ hoạt động của CIO trong mối liên hệ với MEP, Cao Huy Thuần viết: "Không cạnh tranh nổi với người Anh trên địa hạt thương mại, nước Pháp hi vọng tìm thấy nơi việc bảo vệ các thừa sai một khi cụ thể gây ảnh hưởng... Nếu đem so sánh việc trao đổi mậu dịch giữa Âu Châu và Trung Hoa, nước Pháp hoàn toàn yếu kém so với Anh, vậy mà uy thế của ta ở Trung Hoa nếu không nói là hơn thì cũng bằng uy thế của người Anh. *Nước Pháp, nhờ dựa trên uy thế tôn giáo, chiếm được uy thế thiếu vắng trên địa hạt thương mại*"⁽²³⁾.

Mục tiêu của thương nhân Châu Âu trong thế kỉ XVII là "buôn bán kiếm lời" thì từ đầu thế kỉ XVIII, mặc dù nhu cầu hàng hóa vẫn được nhà cầm quyền Đại Việt chào mời nhưng thời thế và cục diện chính trị khu vực và thế giới đã có nhiều

thay đổi. Người Phương Tây quan tâm nhiều hơn đến việc chiếm đất làm thuộc địa, phổ biến kiểu buôn bán *des Indes aux Indes* (từ Ấn Độ quay vòng sang Ấn Độ, kiểu buôn bán nội vùng, thu lời tại chỗ), đặt quan hệ thương mại chặt chẽ, hiệu quả hơn, với những kí kết buôn bán dứt khoát hơn⁽²⁴⁾. Quan hệ thương mại bước sang giai đoạn mới, giai đoạn thương mại - thực dân⁽²⁵⁾.

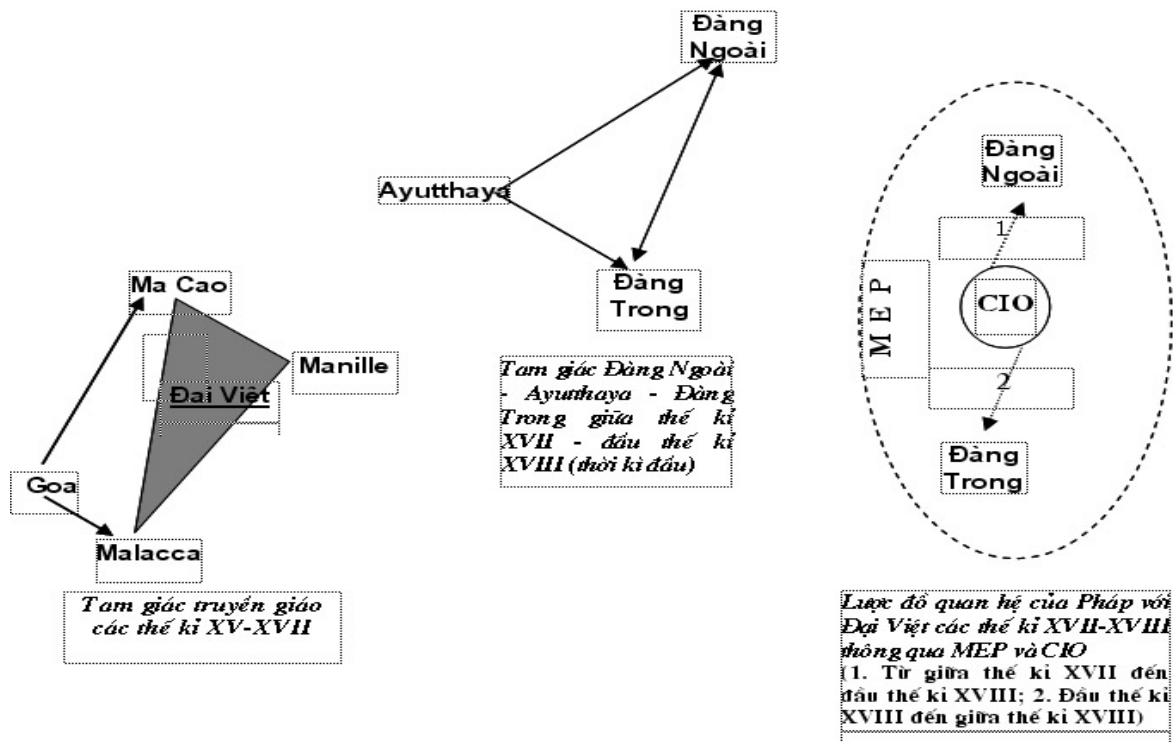
4. Một vài nhận xét

- Việt Nam là một điểm trên bản đồ tôn giáo các thế kỉ XVI - XVII, nằm trong "tam giác truyền giáo" ở các nước xứ Đông Ấn (Viễn Đông) của giáo đoàn Phương Tây. Cho dù còn nhiều tranh luận về thời điểm du nhập của đạo Công giáo, song chắc chắn những mô tả của C.Borri, A.de.Rhodes, S.Baron... về Đại Việt thời đó được đánh giá là điểm đến an toàn và lí tưởng của các thương đoàn và giáo đoàn Phương Tây. Sự tác động của những dòng tu Công giáo nêu trên cho thấy mức độ ảnh hưởng tại các khu vực, địa vực, địa hạt và giáo phận khác nhau từ Đông Bắc Á (các địa phận tại Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên...), Đông Nam Á (lục địa Việt Nam, Lào, Thái Lan...; hải đảo Philippine, Malaysia, Indonesia...). Thực tế lịch sử cho thấy, Việt Nam bị/được chi phối từ Tòa Giám mục Ma Cao, Malacca (cả hai đều thuộc Tổng Giám mục Goa - Ấn Độ) và Manille (Philippine) trên tuyến truyền giáo ở xứ Ấn. Do vậy, sau khi thâm nhập vào Viễn Đông, các hoạt động của MEP, nhất là giai đoạn đầu, luôn "gặp rắc rối" từ hai giáo phận do người Bồ Đào Nha khống chế từ trước đó⁽²⁶⁾. Mặt khác, không nên quên rằng ngay chính trên đất Đại Việt "các tín đồ người Việt theo Thiên Chúa sinh ra trong tam giác *Đà Nẵng - Hội An - Quảng Nam*; trong đó Quảng Nam từ

lâu được coi là hậu phương của Chúa Nguyễn..."⁽²⁷⁾, cũng như vai trò giáo phận của người Pháp ở Ayutthaya (Siam) đối với sự phát triển của họ ở Đại Việt (tam giác Đàng Ngoài - Ayutthaya - Đàng Trong) trên hai phương diện: chỗ dừng chân với các cơ sở truyền giáo ban đầu và cung cấp nguồn nhân lực cho các hoạt động truyền giáo ở Đại Việt các thế kỉ XVII - XVIII. Có thể thấy rõ hơn nhận định này bằng các sơ đồ dưới đây:

- Theo những nhà sáng lập CIO, việc cần thiết thành lập một công ti thương mại là phương tiện nhằm/vì phát triển "niềm tin", bên cạnh nền ngoại thương

sự hỗ trợ của MEP bởi: *Thứ nhất*: "Tam giác truyền giáo" đã gần như chi phối mọi hoạt động thương mại của các nước Phương Tây trên con đường "Đông tiến". Hoạt động của MEP chính là mở đường cho CIO tiến hành giao thương thuận lợi ở đây. *Thứ hai*: "Sức nặng của cuộc Phản Cải cách"⁽²⁹⁾ có vẻ như đè nặng lên vai của các cơ sở thương mại của người Pháp ở Châu Á, và đặc biệt trên bán đảo Đông Dương". Thành công của CIO thì hết sức hạn chế⁽³⁰⁾, trong khi đó hiệu quả của MEP, cho dù là tạm thời ở các thế kỉ XVII-XVIII, lại dần tăng cường và thực sự cần thiết cho Pháp từ thế kỉ XIX trở về



đất nước. Công ti đó phải đi kèm/đi sau giáo sĩ, cũng như theo toan tính của nhà vua là "khuyến khích niềm tin tôn giáo" ở Châu Á.

Sự yếu kém trong các hoạt động của CIO vì nhiều lí do như đã phân tích, song khi đề cập đến sự dính líu chặt chẽ của MEP với CIO ngoài lí do trên, chúng tôi cho rằng CIO không thể không cần đến

sau⁽³¹⁾.

Có lẽ một mô hình "phương trình" lí tưởng mà F. Pallu vạch ra từ thời điểm đó đã cho thấy được gần như toàn bộ liên hệ của MEP và CIO⁽³²⁾:

Hiểu biết thấu tỏ về các nước Á Đông = MEP = Thành công của CIO

Hơn nữa, nghiên cứu về những liên hệ của hai đối tượng này, F.Mantienne cho rằng "MEP đã cho ra đời một khái niệm có thể tạm gọi là "học thuyết của người Pháp ở các xứ Ấn" (*une doctrine française dans les Indes*); trong đó có sự "hòa trộn giữa sự vinh quang của vương triều, quyền quốc tế và tôn giáo"⁽³³⁾.

- Khi đặt vấn đề về nguyên nhân xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam, tùy vào từng thời kì, từng giai đoạn đều cho thấy tác động qua lại, ở nhiều mức độ, giữa chính trị và tôn giáo, giữa văn hóa bản địa với văn hóa ngoại lai. Đối với *bản chất của Nhà nước Pháp*, dường như trong suốt hai thế kỉ XVII-XVIII, "Tôn giáo, chính trị và thương mại từ đây đã liên kết với nhau"⁽³⁴⁾ của một nhà nước

thế tục thực sự. Tính chất đó theo nhiều cách đánh giá và tùy từng thời điểm đã chi phối cách tư duy, chuyển biến và chiến lược của triều đình Pháp ở hải ngoại. "Hội Truyền giáo Hải ngoại được thành lập, và lịch sử của Hội này liên hệ mật thiết với lịch sử chiếm đóng thuộc địa của Pháp tại Việt Nam"⁽³⁵⁾. "Truyền đạo Thiên Chúa.... Điều đó có liên quan gì đến chính sách thuộc địa không? Chẳng ai trả lời rằng không, trừ khi có định kiến..."⁽³⁶⁾. Tuy nhiên, để có thể nhìn nhận những sự kiện lịch sử thế kỉ XIX ở Việt Nam và Pháp, không thể tách biệt chúng với các chuyển biến chính trị - xã hội, văn hóa - tư tưởng ở hai nước vào những thập kỉ cuối thế kỉ XIX đặc biệt từ thập kỉ 20 thế kỉ XX về sau./.

Chú thích :

¹ Xem : Forest, Alain (1998). *Les missionnaires Français au Tonkin et au Siam (XVII^{ème} -XVIII^{ème} siècles)*. Analyse comparée d'un relatif succès et d'un total échec. Livre II. *Histoire du Tonkin*, L'Harmattan.

² Tên đúng là *L'Ordre des Frères Mineurs* - OFM (Dòng Anh Em Hèn Mọn) do Francisco d'Assise thành lập năm 1209, sau đó được chia thành 3 nhánh; Dòng Franxico (*les Franciscains*) là một trong số đó có mặt ở Việt Nam được Việt ngữ hóa là Dòng Phan Sinh. Cuối thế kỉ XVI, dòng tu này đã có mặt ở Việt Nam. Hiện nay dòng có hơn 100 tu sĩ (hơn 50 linh mục). Theo : Mai Thanh Hải (2001). "M.E.P và kho tư liệu về Việt Nam", *Tạp chí Xưa và Nay*, số 93, tháng 6/2001, tr. 24-26.

³ Tiếng Pháp thường viết tắt là dòng O.P (*L'Ordre des Prêcheurs* - OP, Dòng Anh Em Thuyết Giáo) do Linh mục Dominique thành lập năm 1215 ở Toulouse (Pháp). Ở Việt Nam, Dòng OP (được Việt ngữ hóa là Dòng Đa Minh) có tỉnh dòng Manila từ năm 1738 đã cử nhiều thừa sai vào nước ta... Hiện nay, dòng có 54 linh mục và 8 tu sĩ. Theo: Mai Thanh Hải (2002). *Từ điển tôn giáo*. Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr. 201-202.

⁴ Được Ignace de Loyola lập tại Pháp năm 1534 (được Giáo hoàng chính thức công nhận năm 1540), lúc đầu có tên là *La Société des Jésuites* - S.J, sau đổi thành *La Compagnie des Jésuites*. Năm 1615, đến truyền giảng ở Việt Nam. Sau một quá trình thăng trầm, hiện Dòng Tên ở Việt Nam có 19 linh mục và 16 tu sĩ... Theo: Mai Thanh Hải (2001). "M.E.P và kho tư liệu về Việt Nam". Bài đã dẫn, tr. 24-26 ; Mai Thanh Hải (2002). *Từ điển tôn giáo*. Sđd, tr. 568.

⁵ Xem thêm : Bercé, Yves-Marie (1992). *La naissance dramatique de l'absolutisme, 1598-1661*, trong: *Nouvelle histoire de la France Moderne*. Tome 3, éditions du Seuil.

⁶ Jean Le Pichon, (2005). *France - Indochine. Au coeur d'une rencontre 1620-1820*. Éditions du Jubilé, p. 13. Trong các trang 163-164 của tác phẩm này, J.L.Pichon cho biết về "di thư" 4 điều của A.de Rhodes như một lời "cảnh báo", hướng đạo và minh đạo (*une bonne route*) đối với các giáo sĩ người Pháp của MEP trong quá trình truyền giáo ở Đại Việt nói riêng và nước Phương Đông nói chung: 1. Tôn trọng "lễ nghi, phong tục, tập quán..." của nền văn hóa bản địa; 2. Đặc biệt lưu tâm và cần trọng đối với vấn đề liên quan đến chính trị và công việc của nhà nước; 3. Thành lập một dòng tu bản xứ làm cơ sở để tuyển chọn những giám mục bản xứ, và cũng "bám rễ" (*l'enracinement*) tại chính Tòa Thánh (*Đây là mục tiêu chính*); 4. Luôn luôn liên hệ chặt chẽ với Tòa Thánh La Mã.

⁷ Nguyễn Văn Kiệm (2003). *Góp phần tìm hiểu một số vấn đề Cận đại Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 16-17.

⁸ Hiện nay (tính đến năm 2005), Việt Nam có 23 hội dòng Mến Thánh Giá với trên 4.450 nữ tu khấn trọn và 3.221 khấn tạm, là hội dòng có nhân sự lớn nhất so với các dòng tu nữ, chiếm khoảng hơn 1/3 số nữ tu cả nước (tổng số là 10.377 nữ tu khấn trọn). Xem: Phương Liên (2007). “Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam”. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6 (48), tr. 50.

⁹ Lambert đã phải có thư ngỏ ý với Paul d'Acosta lúc đó đang là Giám mục Địa phận Malacca để được quyền truyền giáo ở Siam; Jacques de Bourges cũng phải về La Mã xin Giáo hoàng ban cho các giáo sĩ người Pháp quyền truyền giáo ở Viễn Đông, kể cả trên những giáo khu Bồ Đào Nha.

¹⁰ *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục* chép: "Tháng 10, mùa Đông, nhắc lại lệnh cấm người theo tả đạo Gia Tô... Trước đã hạ lệnh đuổi người truyền đạo ấy đi, nhưng còn bọn tiểu nhân thâm sâu vào tập tục ấy chưa đuổi được, nên đến nay lại hạ lệnh cấm". Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học (1998). *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 300-301.

¹¹ Xem thêm : Phan Phát Huôn (C.S.SR) (1965). *Việt - Nam giáo - sử*, Quyển 1, (1533-1933). Cứu thế Tùng thư, Sài Gòn, in lần thứ 2; Nguyễn Mạnh Dũng (2007). *Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX*. Luận văn Thạc sĩ Sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

¹² Maybon, Charles (1919). *Histoire moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*. Étude sur les premiers rapports des Européens et des Annamites et sur l'établissement de la dynastie Annamite des Nguyễn. Paris, Librairie Plon, pp. 88-89.

¹³ Maybon, Charles (1919). Sdd, p. 89.

¹⁴ Maybon, Charles (1919). Sdd, p. 90.

¹⁵ Maybon, Charles (1919). Sdd, p. 90-91 - note 1. Xem thêm nhận xét về những giáo sĩ người Pháp ở Phố Hiến của nhà du hành người Anh đến Đàng Ngoài năm 1688. Dampier, William (2006). *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

¹⁶ Nguyên văn tiếng Pháp là : "Depuis que le Roy a pris l'administration des finances, il a entrepris une guerre d'argent contre tous les états de l'Europe... Il a formé des compagnies qui, comme de l'armée, les attaquent partout". Mantiennne, Frédéric (2001). *Les relations politiques et commerciales entre la France et la péninsule Indochinoise (XVII^e siècle)*. Paris, Les Indes savantes, p. 52. Hay một đoạn đánh giá khác trong tác phẩm cùng tên: "On ne peut douter que suivant les intentions du Roy, la Compagnie du Commerce des Indes ne mette entre les fins de son entreprise le glorieux dessein de la conversion des Barbares..." (p. 52).

¹⁷ Mantiennne, Frédéric (2001). *Les relations politiques et commerciales entre la France et la péninsule Indochinoise (XVII^e siècle)*. Paris, Les Indes savantes, p. 54.

¹⁸ Mantiennne, Frédéric (2001). Sdd, p.55.

¹⁹ F. Mantiennne có nói đến tàu *Conception*, một thương thuyền tư nhân được F.Pallu đỡ đầu trên đường từ Siam sang Đàng Ngoài đã gặp bão và bị đắm ở Phillipine năm 1674. Mantiennne, Frédéric (2001). Sdd, pp. 258-271.

²⁰ Xem : Nguyễn Mạnh Dũng (2006). "Về hoạt động thương mại của Công ti Đông Ấn Pháp với Đại Việt (cuối thế kỉ XVII - giữa thế kỉ XVIII)". *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 9 (365), tr. 51-64.

²¹ Theo nghiên cứu của Y. Tsuboi có hai lí do chính hạn chế hoạt động thương mại của Pháp ở Đại Việt ở thế kỉ này. Xem : Yoshiharu Tsuboi (1990). *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa (1847 - 1885)*. Ban Khoa học Xã hội Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, tr. 84 - 85.

²² Mantiennne, Frédéric (2001). Sdd, p. 333.

²³ Comte d'Harcourt. *La première ambassade française en Chine. Des deux mondes*, ngày 1/6/1862, p. 673. Dẫn theo: Cao Huy Thuần (2003). *Giáo sĩ Thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857 - 1914)*. Nguyễn Thuận dịch. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, các trang 19-20, 38-40.

²⁴ Xem thêm : Thành Thế Vỹ (1961). *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỉ XVII, XVIII và đầu XIX*. Nxb. Sử học, Hà Nội.

²⁵ Xem thêm: Nguyễn Mạnh Dũng (2007). "Hoạt động thương mại của Công ti Đông Ấn Pháp ở Siam trong nửa sau thế kỉ XVII", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4.

²⁶ Xem thêm: Nguyễn Mạnh Dũng (2007). *Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX*, Luận văn Thạc sĩ Sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

²⁷ Jean Le Pichon (2005). *France - Indochine. Au coeur d'une rencontre 1620-1820*. Édition du Jubilé, p. 9.

²⁹ Xem thêm : Bercé, Yves-Marie (1992). *La naissance dramatique de l'absolutisme, 1598-1661*, trong: *Nouvelle histoire de la France Moderne* - tome 3. Éditions du Seuil; Durouselle, Jean-Baptiste và Mayeur, Jean-Marie (2004). *Lịch sử đạo Thiên Chúa*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

³⁰ Vấn đề CIO có hình thành được hay không và CIO hoạt động như thế nào trong một hệ thống thương mại Nội Á là một vấn đề khá thú vị.

³¹ Mantienne, Frédéric (2001). Sdd, p. 335.

³² Mantienne, Frédéric (2001). Sdd, p. 61.

³³ Mantienne, Frédéric (2001). Sdd, p. 71.

³⁴ Mantienne, Frédéric (2001). Sdd, p. 74.

³⁵ Cao Huy Thuần (2003). Sdd, pp. 37-38.

³⁶ Cao Huy Thuần (2003). Sdd, p. 7.